

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2020/HNGĐ-ST

Ngày 21 tháng 9 năm 2020

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hoàng Khởi

2. Ông Nguyễn Hoàng Dân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như – Là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 424/2020/ HNGĐ-ST ngày 23 tháng 7 năm 2020 về việc yêu cầu “xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 624/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 78/5, đường Đ, khóm 7, phường 5, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Văn Phước T, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 78/5, đường Đ, khóm 7, phường 5, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày tại đơn khởi kiện và phiên tòa như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Văn Phước T chung sống với nhau năm 2003, có tổ chức cưới gả theo phong tục tập quán, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2019 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, do anh T thường xuyên rượu chè không quan tâm chăm sóc vợ con, hiện mâu thuẫn không thể nào hàn gắn. Nay chị xác định hiện vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung tên Văn Lam N, sinh ngày 6/5/2004 và Văn Ngọc K, sinh ngày 11/10/2007. Hiện đang chung sống cùng anh chị. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi 02 con chung không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung.

Về nợ chung: Chị khai chị và anh T không có nợ ai.

Đối với anh Văn Phước T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các thông báo để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa xét xử nhưng anh Văn Phước T vẫn cố tình vắng

mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình về nội dung mà chị Nguyễn Thị Ngọc L đã khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nội dung tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Văn Phước T được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, anh T có nơi cư trú tại phường 5, thành phố M, tỉnh Cà Mau nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Văn Phước T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập xét xử để tham gia xét xử lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Văn Phước T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa chị L và anh T đã vi phạm pháp luật về mặt hình thức. Quá trình chung sống chị L xác định có nhiều mâu thuẫn, do anh T không quan tâm chăm sóc vợ con, hiện không thể tiếp tục chung sống được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Anh T không đến tòa án cũng không có ý kiến gửi đến Tòa án đối với yêu cầu của chị L. Nhưng do chị L và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn nên căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử có cơ sở tuyên bố mối quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Văn Phước T có 02 con chung tên Văn Lam N, sinh ngày 6/5/2004 và Văn Ngọc K, sinh ngày 11/10/2007. Hiện đang chung sống cùng anh chị. Khi ly hôn chị L yêu cầu nuôi cả hai con chung, anh T không có ý kiến về việc nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, cả hai cháu N và K đều là nữ, đã trên 07 tuổi, vào ngày 10/8/2020 và ngày 11/8/2020 Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của Văn Lam N và Văn Ngọc K trình bày nguyện vọng là muốn sống cùng mẹ là chị Nguyễn Thị Ngọc L. Do đó, chấp nhận yêu cầu chị L giao cháu N và K cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chị L không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh T vẫn có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị L xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị L khai không có, không xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình chị L phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 207, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14, 15, 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Văn Phước T là vợ chồng.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Văn Lam N, sinh ngày 6/5/2004 và Văn Ngọc K, sinh ngày 11/10/2007 cho chị Nguyễn Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Anh T vẫn có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không xem xét.

Về nợ chung: Không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Chị Nguyễn Thị Ngọc L phải nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 23/7/2020, chị L đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0002199 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị L, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã Ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Phạm Kim Cương